

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 – 2026 ĐỘ TUỔI 3- 4 TUỔI
I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực thể chất				
a. Phát triển vận động				
1	- Trẻ có khả năng thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân.	1->9	
2	- Trẻ có khả năng giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). + Đi kiễng gót liên tục 3m	- Đi trong đường hẹp - Đi kiễng gót - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát - Bật tại chỗ - Bật về phía trước - Bật xa 20 - 25 cm	2 1 4 1 3 4	
3	- Trẻ có khả năng	- Chạy liên tục 15m theo hướng thẳng	3	

	kiểm soát được vận động: + Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. + Chạy liên tục trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi thay đổi hướng theo đường dích dắc - Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc	5 6 7 8	
4	- Trẻ có khả năng phối hợp tay- mắt trong vận động: + Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m). + Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	- Lăn bóng với cô - Tung bắt bóng với cô - Tung bóng lên cao bằng 2 tay - Đập bắt bóng với cô	1 2 4 3	
5	- Trẻ có khả năng thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. + Ném trúng đích ngang (xa 1,5m). + Bò trong đường hẹp (3m x 0,4 m) không	- Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang. - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng dọc - Bò theo hướng thẳng - Bò chui qua cổng - Bò theo đường (hướng) dích dắc - Bò trong đường hẹp - Trườn theo hướng thẳng - Trườn về phía trước	6 7 8 9 1 3 4 2 5 6	

	chệch ra ngoài.	- Trườn chui dưới cổng - Trườn theo đường dích dắc - Bước lên xuống bậc cao 30cm - Ném trúng đích bằng 1 tay	7 8 9 6	
6	- Trẻ có khả năng thực hiện được các vận động: + Xoay tròn cổ tay. + Gập, đan ngón tay vào nhau.	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Tô vẽ nguyệt ngoạc - Sử dụng kéo, bút - Xếp chồng các hình khối khác nhau - Xé dán giấy	1->9	
7	- Trẻ có khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: + Vẽ được hình tròn theo mẫu. + Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. + Xếp chồng 8 - 10 khối không đồ. + Tự cài, cởi cúc.	- Cài, cởi cúc. - Đan, tết		
b. Dinh dưỡng sức khỏe				
8	- Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)	3,4	
9	- Trẻ biết tên một số		1,3	

	món ăn hằng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau...			
10	- Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.		6	
11	- Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: + Rửa tay, lau mặt, súc miệng. + Tháo tất, cởi quần, áo.	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt - Tập rửa tay bằng xà phòng - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	1,2	
12	- Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.			
13	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.	3,5	
14	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.	2,5,6,7,8	

	ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.			
15	- Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	3,7	
16	- Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (ao, hồ bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.		1,5,9	
17	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... + Không tự lấy thuốc uống. + Không leo trèo bàn ghế, lan can.		2,4,5,6,7,8,9	

	+ Không nghịch các vật sắc nhọn . + Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.			
2. Phát triển nhận thức				
a. Khám phá khoa học				
18	- Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày của trẻ. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.	5,6	
19	- Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.		1,2	
20	- Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.		5	

21	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.		1,2,3,4	
22	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật		8,6	
23	- Trẻ biết nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh, trái đất nóng lên và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày	5,6,8	
24	- Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	1,3,4,7	
25	- Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.	1,2,3,4,7,8,9	
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.				
26	- Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như		1,3,4,6,8	

	hay hỏi về số lượng, đếm vệt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.			
27	- Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. - 1 và nhiều - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.		
28	- Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.			
29	- Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.		4,5,6,9	
30	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.			
31	- Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ	9	
32	- Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to	- So sánh 2 đối tượng về kích thước	4,6,7	

	hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.			
33	- Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình trong thực tế - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép	3,6,7	
34	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau, tay phải- tay trái của bản thân	2	
c. Khám phá xã hội				
35	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình - Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo - Tên các bạn, đồ dùng đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. - Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.	2	
36	- Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.		3	
37	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình			
38	- Trẻ nói được tên trường / Lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi,		1	

	trò chuyện.			
39	- Trẻ biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.		4	
40	- Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu ...qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương .	1,7	
41	- Trẻ biết kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.		9	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
* Nghe hiểu lời nói				
42	- Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng . - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	1,2,3,4,5	
43	- Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...		5->9	
44	- Trẻ biết lắng		1,2,3,4,5,	

	nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.		6,8,9	
* Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày.				
45	- Trẻ nói rõ các tiếng	- Phát âm các tiếng của Tiếng Việt. - Trả lời và đặt các câu hỏi: “ai?”; “ Cái gì?”; “ Ở đâu?”; “ Khi nào?”. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng. - Kể lại sự việc. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép . - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	1->9	
46	- Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...		6,7,8,9	
47	- Trẻ biết sử dụng được câu đơn, câu ghép		1->9	
48	- Trẻ biết kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,...		1,3,8,9	
49	- Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...		1,2,3,4,5,6,7	
50	- Trẻ biết kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của			

	người lớn.			
51	- Trẻ có khả năng bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.		5,9	
52	- Trẻ biết sử dụng các từ: “vâng ạ”, “dạ”, “thưa”,... trong giao tiếp.		4,5,6	
53	- Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.		6,7,9	
* Làm quen với đọc viết				
54	- Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh .	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện - Giữ gìn sách - Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: Đường cho người đi bộ...)	2,4,7	
55	- Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.	1,7,8	
56	- Trẻ thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	+ Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu	8,9	

4. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội				
* Phát triển tình cảm				
57	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính. - Những điều bé thích, không thích	2	
58	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích.			
59	- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi		5,6,7,8,9	
60	- Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).		3->7	
61	- Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động. - Kính yêu Bác Hồ	2	
62	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức		2	

	giận.			
63	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.			
64	- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.		9	
65		- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	9	
* Phát triển kỹ năng xã hội				
66	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (Để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ) - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. - Cử chỉ, lời nói lễ phép (Chào hỏi, cảm ơn). - Chờ đến lượt. - Chơi hòa thuận với bạn.	1,3	
67	- Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...		2	
68	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.		1,3,5,7	
69	- Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi		1->9	

	theo nhóm nhỏ.			
70	- Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - Giữ gìn vệ sinh môi trường - Nhận biết hành vi “đúng”- “sai”, “tốt” - “xấu”. - Tiết kiệm điện, nước.	8,6	
71	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.		1->9	
5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ				
72	- Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng .	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	4,5	
73	- Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.		5,6	

74	- Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.		7,8	
75	- Trẻ biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát - Nghe các bài hát, bản nhạc (Nhạc thiếu nhi, dân ca). - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp.	1->9	
76	- Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng một số kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản. - Nhận xét sản phẩm tạo hình.	1,2,3,4,5,7,9	
77	- Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.		1->9	
78	- Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên,		1->9	

	ngang, tạo thành bức tranh đơn giản			
79	- Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.		5,6,7,8	
80	- Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.		3,6	
81	- Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.		7,8	
82	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.		1->9	
83	- Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm của mình.	1->9	
84	- Trẻ biết tạo ra		8,9	

	các sản phẩm tạo hình theo ý thích.			
85	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình		9	

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian	TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ hội	Điều chỉnh
Từ ngày 15/9 - 10/10/2025	1	Trường mầm non – Tết trung thu	Ngày hội đến trường của bé	1	- Khai giảng (5/9/2025) - Tết trung thu (06/10/2025)	4
			Lớp học của bé	2		
			Đồ dùng đồ chơi của bé	3		
			Bé vui đón tết trung thu	4		
Từ ngày 13/10 – 31/10/2025	2	Bản thân	Bé giới thiệu về mình	5		3
			Cơ thể kỳ diệu của bé	6		
			Bé cần gì để lớn lên khỏe mạnh	7		
Từ ngày 03/11 -28/11/2025	3	Gia đình – Ngày 20/11	Gia đình và họ hàng của bé	8	Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	4
			Ngôi nhà thân yêu của bé	9		
			Ngày hội của cô giáo	10		
			Đồ dùng trong gia đình bé	11		
Từ ngày 01/12 - 26/12/2025	4	Các ngành nghề phổ biến	Nghề nông	12		4
			Nghề xây dựng	13		
			Nghề dịch vụ	14		
			Thành lập QĐNDVN	15		
Từ ngày 29/12 đến 16/01/2026	5	Nước và các HTTN	Nước – nguồn sống của con người	16		3
			Các hiện tượng tự nhiên	17		
			Các mùa trong năm	18		
			Cây xanh- người bảo vệ trái đất	19		

Từ ngày 19/01 - 27/02/2026	6	Thế giới thực vật - tết và mùa xuân	Một số loại hoa	20	- Tết nguyên đán (16/02 - 22/02/2026)	5
			Một số loại quả	21		
			Bé vui đón tết	22		
			Một số loại rau, củ	23		
Từ ngày 02/03 đến 27/03/2026	7	Phương tiện và các quy định giao thông - Ngày 8/3	Ngày hội 8/3	24		4
			PTGT đường bộ	25		
			PTGT đường thủy - đường hàng không	26		
			Các quy định giao thông	27		
Từ ngày 30/03- 24/04/2026	8	Thế giới động vật	Động vật nuôi trong gia đình	28		4
			Động vật sống trong rừng	29		
			Động vật sống dưới nước	30		
			Côn trùng và chim	31		
Từ ngày 27/4 đến 22/05/2026	9	QHĐN – Bác Hồ - Trường TH – Tết thiếu nhi	Bé yêu quê hương- đất nước	32		4
				33		
			Bác Hồ kính yêu	34		
			Tết thiếu nhi	35		
Tổng kết năm học						

BAN GIÁM HIỆU PHÊ DUYỆT

Hoàng Thị Lệ Hằng

